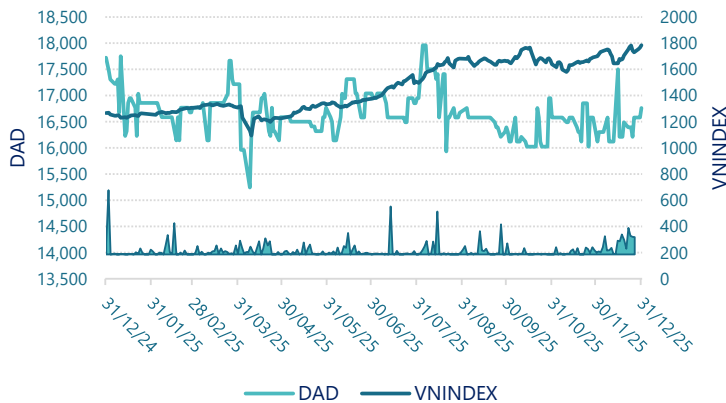




CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng (HNX: DAD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,961
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,244
SL cổ phiếu LH	4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,485
% sở hữu nước ngoài	28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	85
P/E	8.2
EPS	2,228

DT thuần

Q4/25

1.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼115 | -98.7%

YoY: ▼0.37 | -19.8%

LN sau thuế

Q4/25

-0.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.64 | -104%

YoY: ▲0.23 | 71.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.4%

+/- YoY: ▲0.2%

DT thuần

2025

396

tỷ VNĐ

YoY: ▼104 | -20.7%

LN sau thuế

2025

10.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00 | -8.9%

ROE

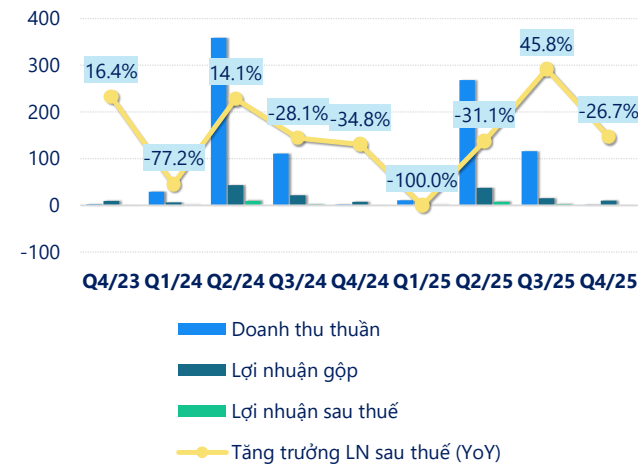
2025

10.7%

+/- YoY: ▼0.9%

tỷ VNĐ

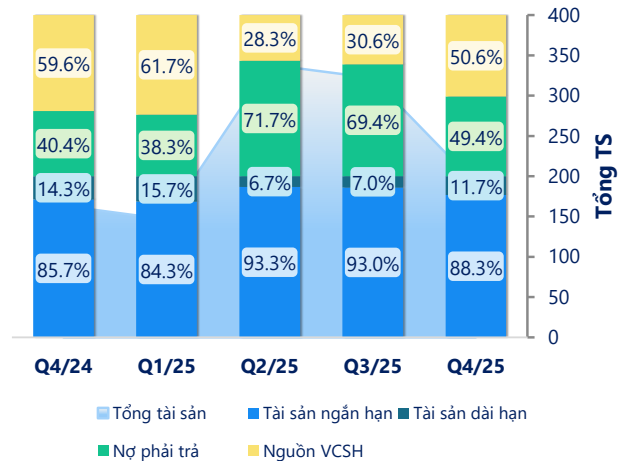
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

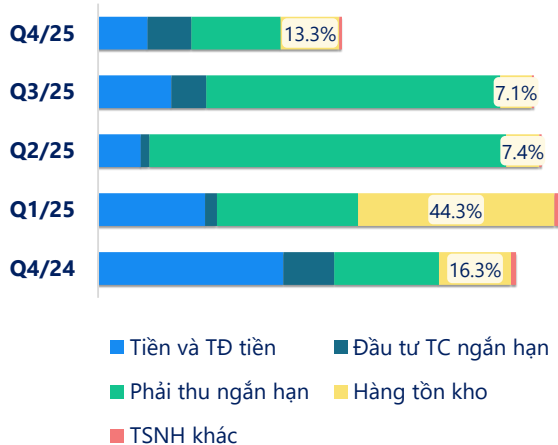
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



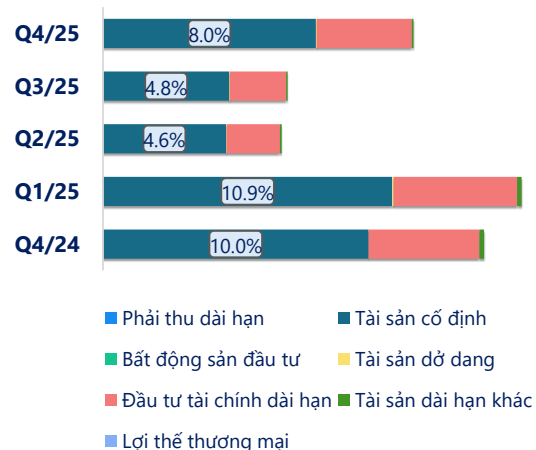
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

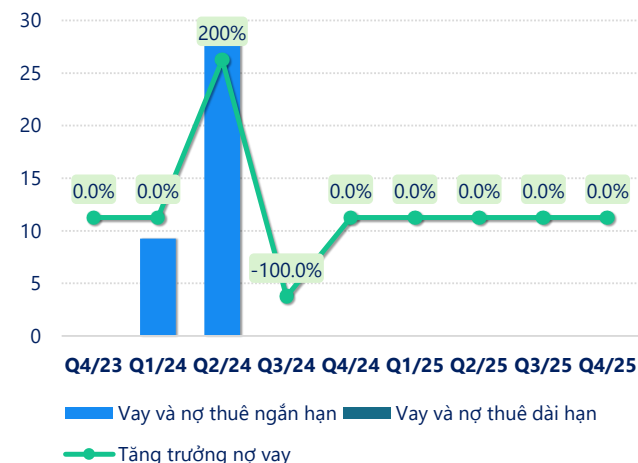
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

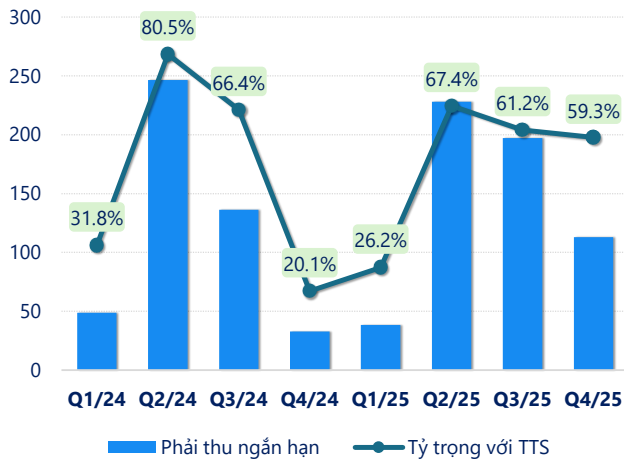
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



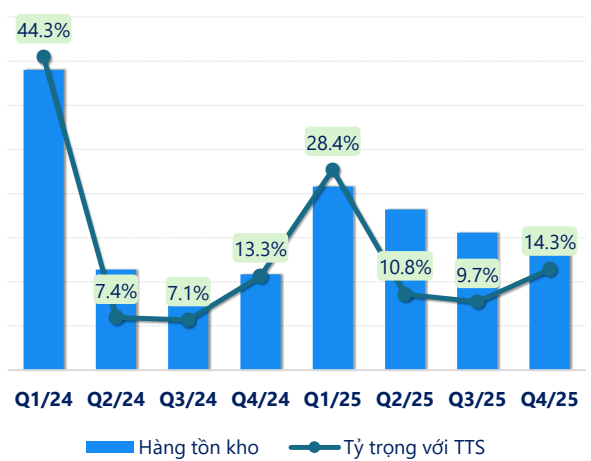
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


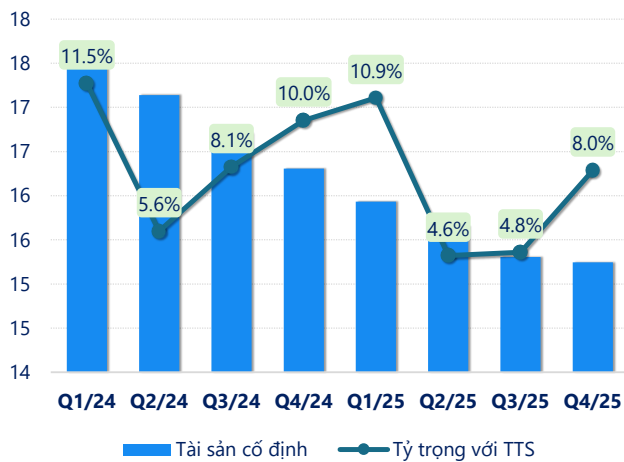
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


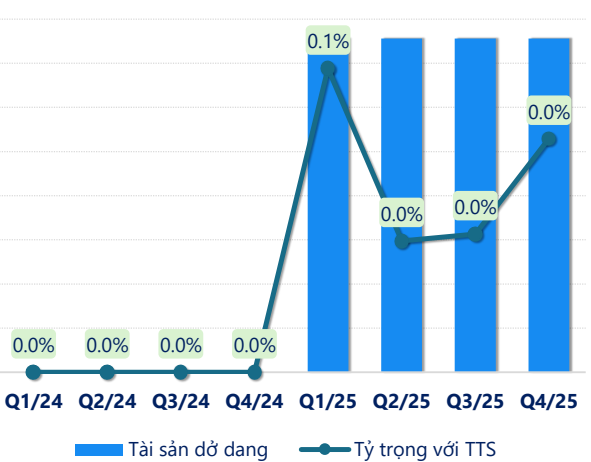
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

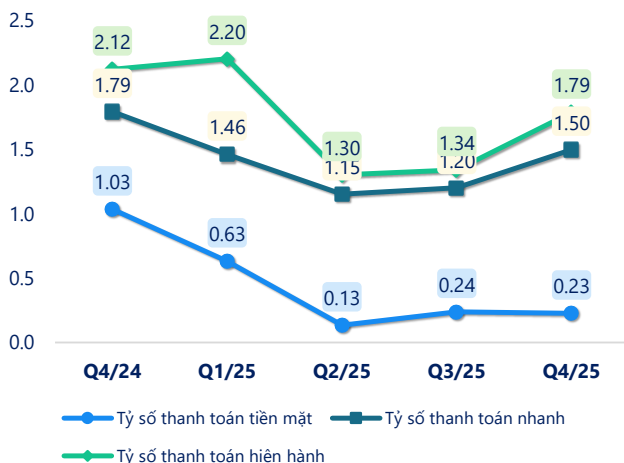
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

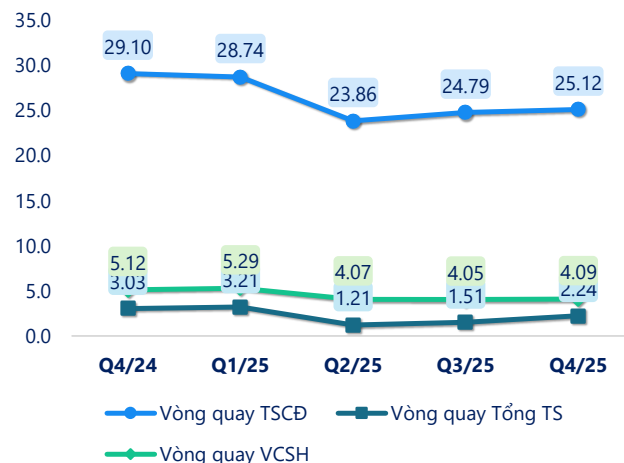
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	163	146	338	322	190
Tài sản ngắn hạn	140	123	316	300	168
Tiền và tương đương tiền	68.2	35.4	32.6	53.4	21.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.1	6.08	17.1	17.1	6.07
Phải thu ngắn hạn	32.9	38.3	228	197	113
Hàng tồn kho	21.7	41.6	36.4	31.1	27.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	2.05	1.61	0.79	0.79
Tài sản dài hạn	23.4	23.1	22.7	22.4	22.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	16.3	15.9	15.7	15.3	15.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.08	0.08	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80
Tài sản dài hạn khác	0.29	0.25	0.21	0.19	0.13
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	65.9	56.0	243	223	94.1
Nợ ngắn hạn	65.9	56.0	243	223	94.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	26.2	23.5	195	175	62.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	97.3	90.4	95.9	98.4	96.3
Vốn chủ sở hữu	97.3	90.4	95.9	98.4	96.3
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)